TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 408/2024/QĐST-VHNGĐ	*Bình Thạnh, ngày 19 tháng 03 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 239/TLST-VHNGĐ ngày 30/01/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự***:

1/ Bà Nguyễn Thị L

2/ Ông Trần Ngọc D

Cùng địa chỉ: Phường A, quận B, Thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trần Ngọc D là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số: 55/2014 quyển số 01/2014 ngày 11/06/2014 tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh L cấp.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 17/01/2024 và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11/03/2024, bà Nguyễn Thị L và ông Trần Ngọc D cùng có yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận bà L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Trần Ngọc H, sinh ngày 15/6/2015, ông D cấp dưỡng nuôi trẻ 5.000.000đồng/tháng (Cấp dưỡng vào ngày 15 tây hàng tháng bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 04/2024 cho đến khi trẻ H tròn 18 tuổi). Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà L và ông D thật sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận người trực tiếp nuôi con, Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trần Ngọc D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2014 quyển số 01/2014 ngày 11/06/2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh L cấp hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần Ngọc H, sinh ngày 15/06/2015, Ông D và bà L thỏa thuận bà L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đồng/tháng (Cấp dưỡng vào ngày 15 tây hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 04/2024 cho đến khi trẻ H tròn 18 tuổi).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà L và ông D phải chịu lệ phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng theo biên lai thu tiền số: 0018607 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- UBND xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắc Lắk;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Dư Tuyết Lạnh